| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **87**/2020/QĐST-VDS | *Thủ Dầu Một, ngày 06 tháng 3 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 74/2020/TLST-VDS, ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Tổ 21, Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh B.

- Ông Trương Minh T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 54, Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh B.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh T là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 27/10/1997 tại UBND phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B. Bà L và ông T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà L và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh T có 02 con chung tên Trương Cẩm H, sinh ngày 27/4/1999 và Trương Bá H, sinh ngày 17/4/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly

hôn ngày 27/02/2020 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 201, quyển số 01/97 ngày 27/10/1997 của UBND phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B cấp cho bà L và ông T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh T có 02 con chung tên Trương Cẩm H, sinh ngày 27/4/1999 và Trương Bá H, sinh ngày 17/4/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị L và ông Trương Minh T mỗi người nộp số tiền là 150.000$^{đ}$ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000$^{đ}$ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016-0041511 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Hoa Hạnh**